

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN WINLAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN WINLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WINLAND TRADE AND SERVICES REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WINLAND., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108848476

**3. Ngày thành lập:** 31/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 4, Thôn Hải Bối, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985.905.339

Fax:

Email: winland668@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                          | 1071     |
| 2.  | Sản xuất đường                                                                                                         | 1072     |
| 3.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                    | 1073     |
| 4.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                           | 1074     |
| 5.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                  | 1075     |
| 6.  | Sản xuất chè                                                                                                           | 1076     |
| 7.  | Sản xuất cà phê                                                                                                        | 1077     |
| 8.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                         | 1079     |
| 9.  | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                          | 1101     |
| 10. | Sản xuất rượu vang                                                                                                     | 1102     |
| 11. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                     | 1103     |
| 12. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                | 1104     |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 4610     |
| 14. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                      | 4620     |
| 15. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                         | 4631     |
| 16. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng                                   | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633        |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                             | 4722        |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                               | 4723        |
| 20. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                          | 4724        |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5629        |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630        |
| 23. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                      | 6810        |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn, môi giới bất động sản;<br>+ Dịch vụ định giá bất động sản;<br>+ Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;<br>+ Sàn giao dịch bất động sản.<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản) | 6820(Chính) |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                 | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 39.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI LÊ HUYỀN | Đội 4, Xã Viên An, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 1.872.000  | 18.720.000.000        | 48,000    | 034184002721                                                                                |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 1.872.000  | 18.720.000.000        | 48,000    |                                                                                             |         |

|   |                         |                                                                                                               |                         |               |                |        |                  |  |
|---|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>VĂN DŨNG      | Số 41 ngõ 2<br>Nguyễn Ngọc<br>Nại, Phường<br>Khương Mai,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 1.989.0<br>00 | 19.890.000.000 | 51,000 | 0270850000<br>34 |  |
|   |                         |                                                                                                               | Tổng số                 | 1.989.0<br>00 | 19.890.000.000 | 51,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                               |                         |               |                |        |                  |  |
| 3 | NGUYỄN<br>TRUNG<br>DŨNG | 38 ngách 32/26<br>An Dương,<br>Phường Yên Phụ,<br>Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 39.000        | 390.000.000    | 1,000  | 0010910132<br>52 |  |
|   |                         |                                                                                                               | Tổng số                 | 39.000        | 390.000.000    | 1,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                               |                         |               |                |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI LỆ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034184002721

Ngày cấp: 25/09/2015

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 4, Xã Viên An, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 33, ngõ 67 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội